

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/KDTM-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh;
2. Ông Nguyễn Thành Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2018/TLST-KDTM ngày 05/6/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2018/QĐXXST-KDTM ngày 19/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 363/2018/QĐST-KDTM ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A

Trụ sở: 03 Đường S, khu công nghiệp A, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quang T, sinh năm 1967; Địa chỉ: 143/8/3 Đường S, khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có mặt.

(theo văn bản ủy quyền số: 01/UQKK.2018 ngày 21/5/2018 của Công ty A).

2. *Bị đơn:* Công ty B.

Trụ sở: Km 07 đường D, khu phố F, phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tiến N, sinh năm 1969 - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Công ty B và Công ty A có ký hợp đồng mua bán số: 01/KD2/2017/CC14.09-UNI ngày 25/9/2017 về việc cung cấp bê tông cho công trình nút giao thông Bình Thắng-Hầm chiu K1- Dĩ An - Bình Dương. Theo bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2017, Công ty B còn nợ Công ty A số tiền là 477.360.000 đồng. Phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nhưng phía bị đơn Công ty B vẫn cố tình chây lỳ, không thanh toán làm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của phía nguyên đơn gặp rất nhiều khó khăn. Theo thỏa thuận tại Điều 4.5 của hợp đồng nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi theo quy định của bộ luật dân sự hiện hành là 10%/năm. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty B trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 477.360.000 đồng.

- Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên dư nợ gốc là 477.360.000 đồng theo mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày vi phạm 01/12/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử.

(2) Bị đơn Công ty B, không hợp tác với Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng phía bị đơn không có đại diện đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hiện tại Công ty B chưa giải thể và đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ Km 07 đường Xa Lộ Hà Nội, khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như trên, xác định ngày tính lãi là từ ngày 01/12/2017 đến ngày 29/11/2018 trên số dư nợ gốc, với số tiền lãi yêu cầu bị đơn phải trả do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 47.343.649 đồng. Bị đơn phía bị đơn Công ty B tiếp tục vắng mặt mà không có lý do.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty B đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Công ty A với Công ty B phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty B có trụ sở đăng ký hoạt động trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Hợp đồng mua bán số: 01/KD2/2017/CC14.09-UNI ngày 25/9/2017 ký kết giữa Công ty A với Công ty B đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Do vậy, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ văn bản xác nhận số dư nợ cho mục đích kiểm toán có xác nhận của các bên và căn cứ vào bảng xác nhận khối lượng và giá trị thanh toán giữa hai bên. Có cơ sở xác định Công ty B còn nợ Công ty A số tiền mua hàng là 477.360.000 đồng. Theo quy định tại Điều 50 của Luật thương mại năm 2005, quy định về nghĩa vụ của bên mua là phải thanh toán tiền mua hàng, đúng trình tự, thủ tục và phương thức mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng còn nợ 477.360.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty B thanh toán tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính từ ngày vi phạm 01/12/2017 đến ngày vụ án đưa ra xét xử 29/11/2018, theo mức lãi suất 10%/năm, trên số dư nợ vi phạm 477.360.000 đồng, với số tiền lãi yêu cầu thanh toán là 47.343.649 đồng. Nhận thấy, số tiền lãi 47.343.649 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán là phù hợp với cách thức, phương thức tính lãi và lãi suất các bên đã thỏa thuận của các bên tại Điều 4.5 của hợp đồng mua bán số: 01/KD2/2017/CC14.09-UNI ngày 25/9/2017, phù hợp quy định tại điều 306 của Luật thương mại năm 2005. Việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất các bên thỏa thuận 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 524.703.649 đồng (năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: số nợ gốc là 477.360.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 47.343.649 đồng.

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty B, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng Công ty B còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 24.988.139 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi tám nghìn một trăm ba mươi chín đồng) buộc Công ty B phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí 11.998.040 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0038936 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên